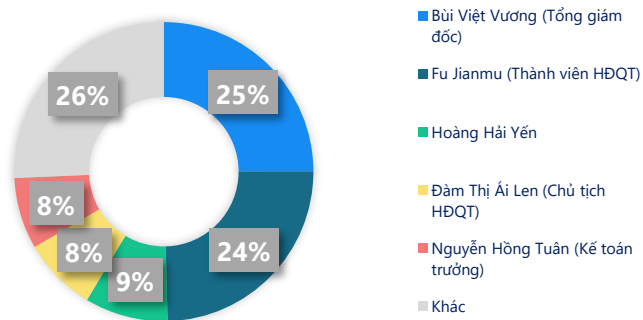
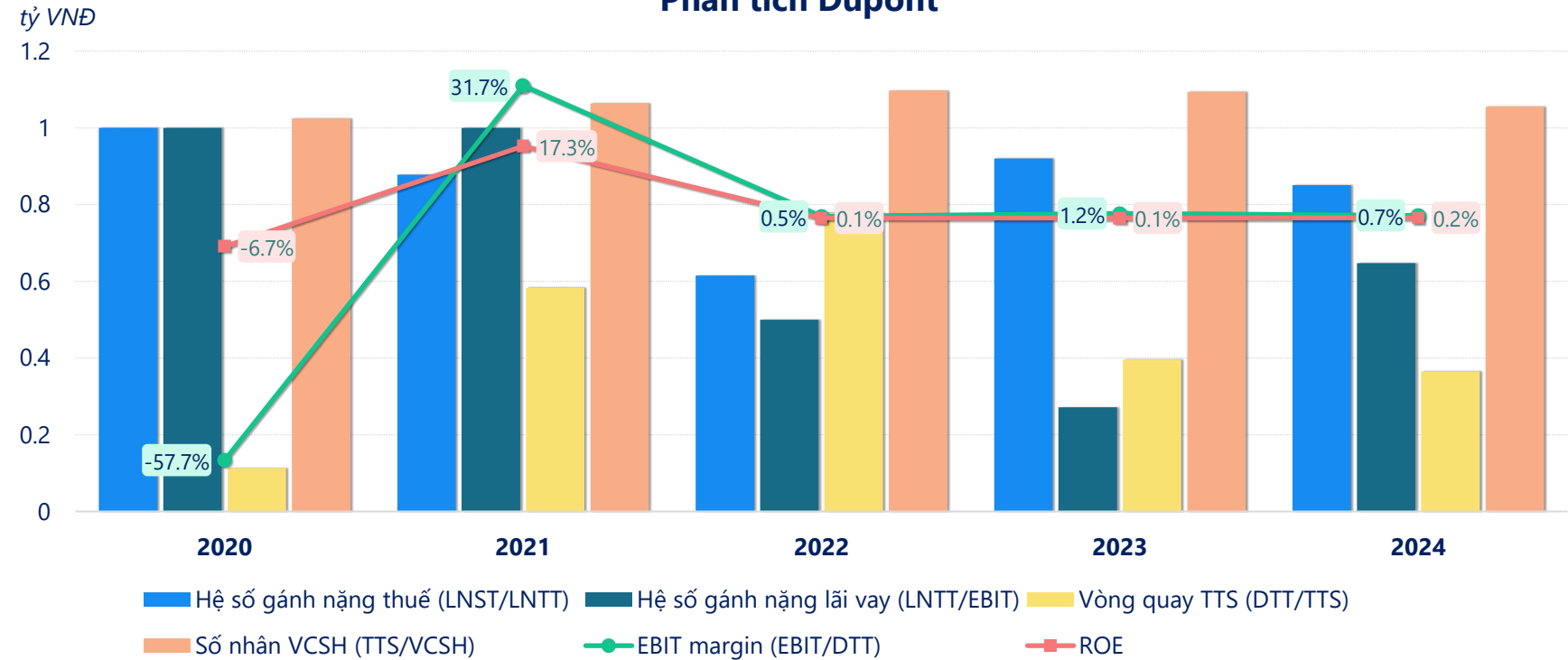


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

Thông tin giao dịch **31/12/2024**

Giá hiện tại (VNĐ)	4,700
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,200 - 6,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,285
Sở hữu nước ngoài	25.3%
Beta	(0.36)
EPS	16
P/E	295.5

	YTD	1T	3T	6T
KSD		-6.0%	0.0%	23.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu cổ đông**Phân tích Dupont****DT thuần**

2024

46.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.00| -11.4%

LN sau thuế

2024

0.19

tỷ VNĐ

YoY: ▲0.04| 23.7%

ROE

2024

0.2%

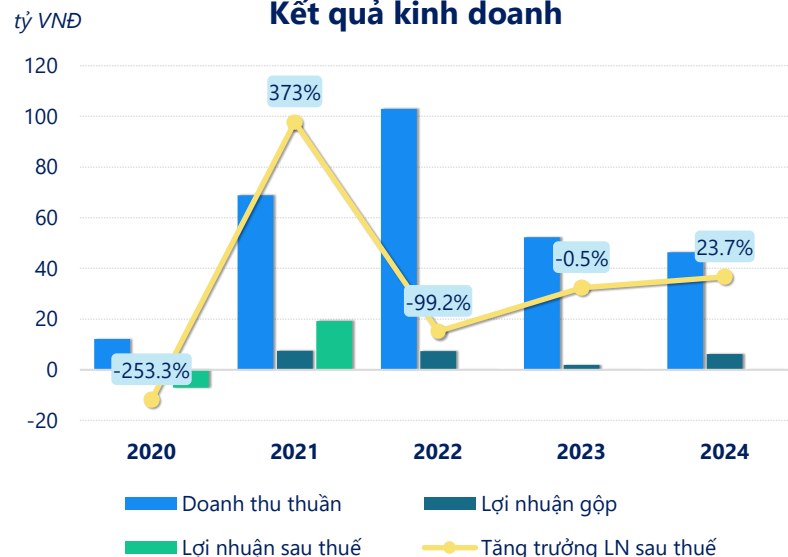
ROA

2024

0.2%

CTCP Đầu tư DNA (HNX: KSD)

Kết quả kinh doanh

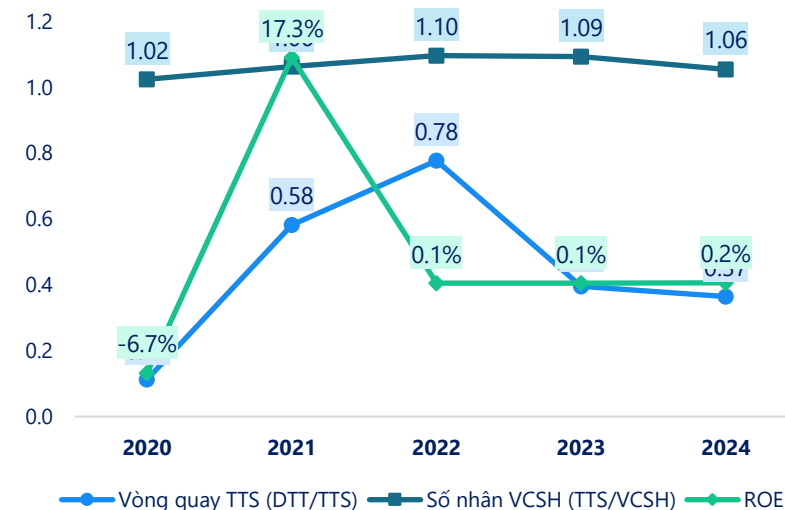


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **0.75%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.85**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.65**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.

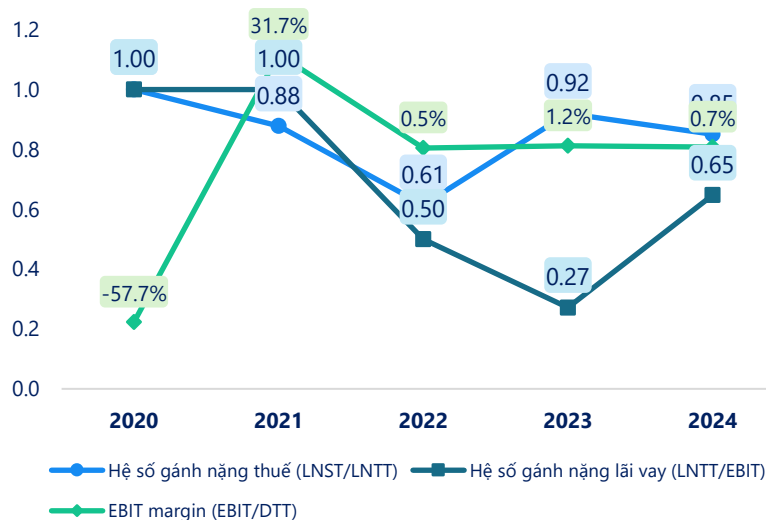
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **KSD** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 11.4%** chỉ còn **46.39** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 23.7%** đạt **0.19** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế bằng 0 cho thấy doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận hoặc đang gặp phải các thách thức tài chính.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

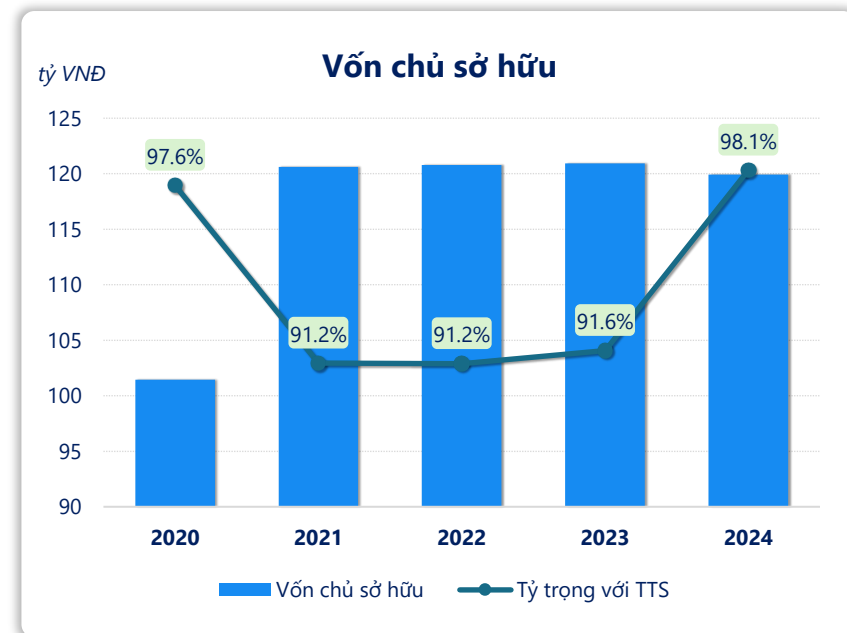
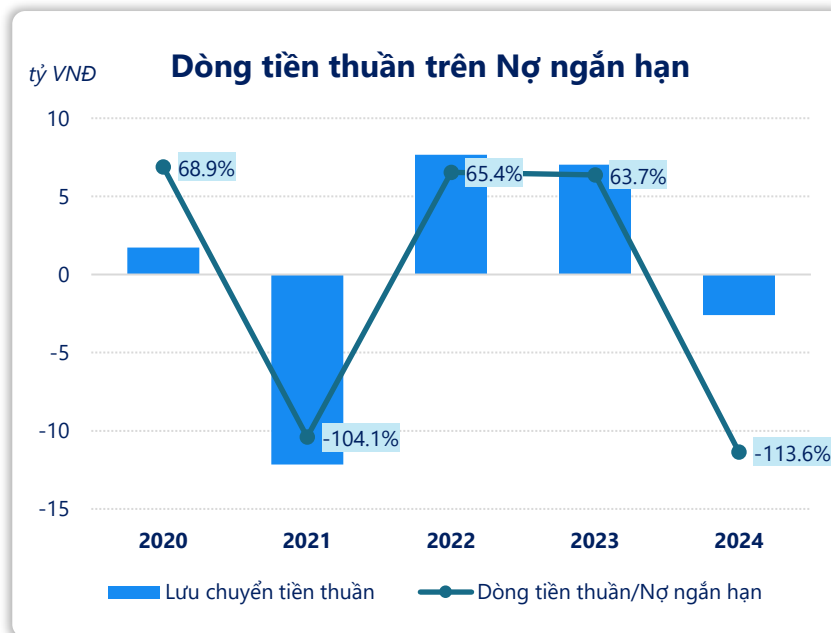
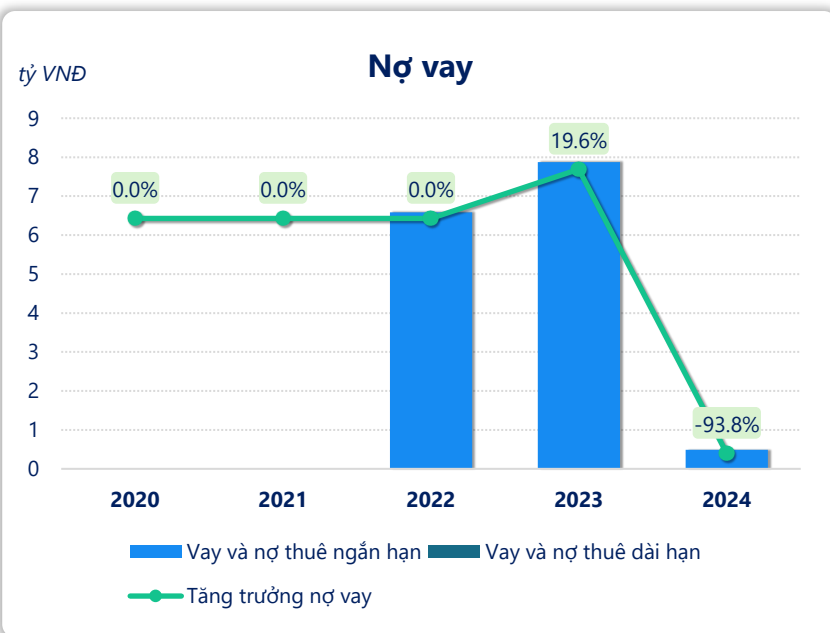
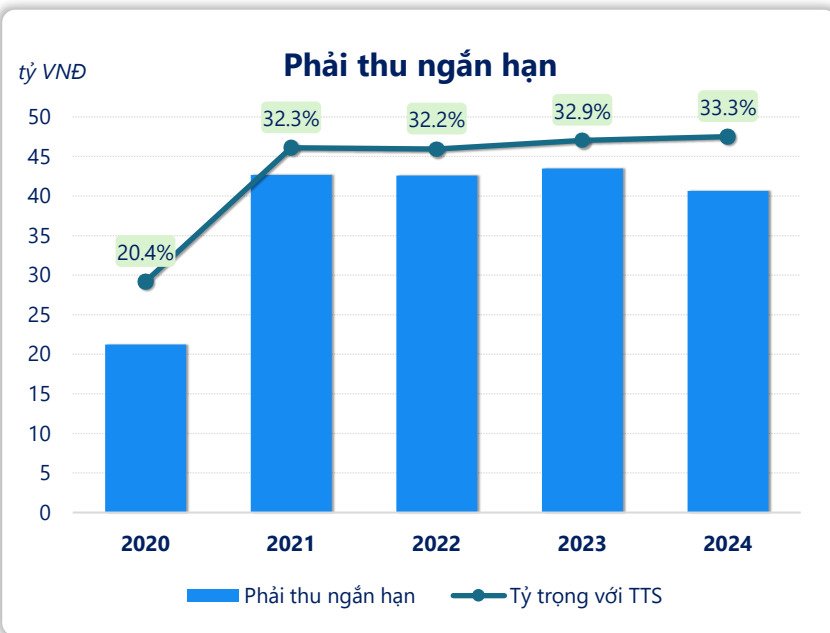


Vòng quay tổng tài sản đạt **0.37**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.06** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Đầu tư DNA (HNX: KSD)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	122	132	-7.4%
Tài sản ngắn hạn	84.6	81.2	4.2%
Tiền và tương đương tiền	15.0	17.5	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.2	13.0	63.1%
Phải thu ngắn hạn	40.6	43.5	-6.5%
Hàng tồn kho	7.24	7.24	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	0.03	1479%
Tài sản dài hạn	37.6	50.7	-25.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	33.8	41.4	-18.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.28	5.81	-95.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.46	3.49	-1.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2.29	11.0	-79.3%
Nợ ngắn hạn	2.29	11.0	-79.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.49	7.88	-93.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.24	0.39	-38.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	120	121	-0.8%
Vốn chủ sở hữu	120	121	-0.8%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	12.2	68.8	103	52.4	46.4
Giá vốn hàng bán	11.2	61.3	95.6	50.4	40.2
Lợi nhuận gộp	0.99	7.48	7.36	1.94	6.17
Doanh thu HĐTC	0.58	21.7	0.18	0.95	2.09
Chi phí TC	0.08	0.35	0.26	0.69	0.37
Chi phí lãi vay	0	0	0.25	0.45	0.12
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.98	3.37	2.99	0.89	0.72
Chi phí QLDN	4.16	3.68	4.05	3.71	5.25
LN thuần từ HĐKD	-3.64	21.8	0.24	-2.40	1.91
Lợi nhuận khác	-3.38	0.05	0.01	2.57	-1.68
LN trước thuế	-7.02	21.8	0.25	0.17	0.22
Lợi nhuận sau thuế	-7.02	19.2	0.16	0.15	0.19
LNST của CĐ cty mẹ	-7.02	19.2	0.16	0.15	0.19

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.48	-6.70	11.1	9.14	5.53
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.25	-5.45	-8.95	-2.72	-0.52
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	5.55	0.62	-7.61
Tiền đầu kỳ	12.7	14.4	2.26	10.1	17.5
Lưu chuyển tiền thuần	1.73	-12.2	7.66	7.04	-2.60
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.23	0.32	0.11
Tiền cuối kỳ	14.4	2.26	10.1	17.5	15.0